

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): Công ty Điện lực Cà Mau</p> <p>Đại diện là ông: Huỳnh Hữu Quang Chức vụ: Giám đốc Công ty</p> <p>Địa chỉ: Số 01 đường Trần Nguyên Đán, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.</p> <p>Điện thoại: 0290.3700705 - 3700718</p> <p>Fax: 0290.3551188</p> <p>Tài khoản: 116000016383 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN tỉnh Cà Mau.</p> <p>Mã số thuế: 0300942001-025</p> <p>Mail: pccamau@evnspc.vn</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: Gói thầu số 13: Cung cấp và xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị công trình: Đầu tư xây dựng điện trên địa bàn Cái Nước, Phú Tân năm 2026</p> <p>- Hạng mục 1: Đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện trung hạ thế từ 1 pha lên 3 pha và phát triển lưới điện xóa cầu phụ trên địa bàn huyện Cái Nước năm 2026.</p> <p>- Hạng mục 2: Đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện trung hạ thế từ 1 pha lên 3 pha và phát triển lưới điện xóa cầu phụ trên địa bàn huyện Phú Tân năm 2026.</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại:</p> <p>- Hạng mục 1: Xã Cái Nước, Hưng Mỹ, Tân Hưng, Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau.</p> <p>- Hạng mục 2: Xã Cái Đôi Vàm, Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, Phú Mỹ, tỉnh Cà Mau.</p> <p>và được xác định trong Bản vẽ số (Đính kèm file bản vẽ).</p>

E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trừ ngày lễ, tết theo quy định).
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trừ ngày lễ, tết theo quy định).
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: căn cứ ngày ghi trong lệnh khởi công công trình
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): Đại diện là ông: Chức vụ: Giám đốc Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Số tài khoản: Mã số thuế: Mail:
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Công ty Điện lực Cà Mau - Tư vấn giám sát là: Trung tâm thí nghiệm Điện Cà Mau - Công ty Điện lực Cà Mau
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Kế hoạch thi công. Biểu tiến độ thi công chi tiết cấp 1, 2, 3. - Biện pháp tổ chức thi công. - Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt. - Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu: chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B, các đội, tổ thi công. - Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình. - Danh mục Chung loại, số lượng vật tư cấp cho công trình. - Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng vật tư.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng (<i>làm tròn tương đương giá trị làđồng</i>).

	<p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau 460 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực) hoặc đến khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và chuyển sang trách nhiệm bảo hành theo quy định</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 05 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 10 ngày. Trường hợp dự án (công trình) được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 15 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, dự án (công</p>

	trình) được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 10 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: <ul style="list-style-type: none"> - Chứng thư bảo hiểm sẽ được xuất trình chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo hiểm là 12 tháng 100 ngày (gồm 100 ngày thi công + 12 tháng bảo hành) kể từ ngày khởi công. - Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba... theo quy định của pháp luật liên quan.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Việc giải tỏa bảo đảm bảo hành dự án/ công trình phải được chủ đầu tư xác nhận nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là:

	<p>- Hạng mục 1: Xã Cái Nước, Hưng Mỹ, Tân Hưng, Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau (trước đây là huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau).</p> <p>- Hạng mục 2: Xã Cái Đôi Vàm, Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, Phú Mỹ, tỉnh Cà Mau.</p>
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: 03 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc của chủ đầu tư.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>- Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án có thẩm quyền trong tỉnh Cà Mau để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.</p> <p>- Chủ đầu tư sẽ căn cứ quy định của Luật Khiếu nại và pháp luật có liên quan về thời hiệu khiếu nại để giải quyết khi có ý kiến của nhà thầu đối với quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư. Nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Căn cứ ngày ghi trong lệnh khởi công.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trừ ngày lễ, tết theo quy định).</p>
E-ĐKC 29.1	<p>Chậm nhất 02 ngày trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư biểu tiến độ thi công chi tiết, trong đó có thể hiện thời gian thi công từng ngày theo tiến độ thi công của gói thầu, cụ thể giai đoạn, tỉ lệ, khối lượng chi tiết.</p> <p>Trên cơ sở kế hoạch thi công chi tiết của Nhà thầu lập, Chủ đầu tư sẽ căn cứ đánh giá tiến độ thi công của Nhà thầu hằng tháng, nếu có vi</p>

	phạm do Nhà thầu thi công không đảm bảo tiến độ theo kế hoạch chi tiết thì Chủ đầu tư sẽ phạt vi phạm tiến độ của Nhà thầu
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật là 10.000.000 đồng cho đợt thanh toán kế tiếp.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Theo thỏa thuận hợp đồng
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Phải được nghiệm thu, thử nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật đính kèm E-HSMT và các tiêu chuẩn vật tư thiết bị của Tổng công ty Điện lực miền Nam, vật tư thiết bị phải cung cấp kết quả thử nghiệm, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thử nghiệm xuất xưởng theo quy định, riêng trụ điện, đà cản, công, phải được chủ đầu tư chứng kiến thử nghiệm tại đơn vị sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật tư xây dựng của nhà thầu sử dụng cho công trình (thép chế tạo kết cấu thép...) phải được cung cấp đầy đủ các hồ sơ: nguồn gốc nguyên vật liệu, cam kết cung cấp vật tư kèm chứng chỉ kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm tra và sử dụng. phải thực hiện đầy đủ các công tác thí nghiệm, kiểm tra vật liệu trước và trong khi thi công xây dựng theo quy định hiện hành và quy định của hợp đồng. Đơn vị giám sát có trách nhiệm kiểm tra và chấp thuận, lập thành biên bản, báo cáo đơn vị Quản lý dự án. Các nội dung khác cụ thể trong file scan đính kèm trong E-HSMT Chương VII Điều kiện cụ thể của hợp đồng). - Nhà thầu trình Chủ đầu tư các hồ sơ: Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình và Biện pháp thi công. - Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư Tiến độ thi công xây dựng công trình. - Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật. - Nhà thầu lập trình chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc hạng mục công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. <p>* Ghi chú:</p>

- Đơn vị giám sát thi công có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ nhà thầu thi công trình, yêu cầu nhà thầu chỉnh sửa các nội dung trong quá trình thi công cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng, ký tên vào hồ sơ, và trình đơn vị quản lý dự án trình phê duyệt theo quy định tại Nghị định 175/2024/NĐ-CP, ngày 30/12/2024 của Chính Phủ.

- Nhà thầu thi công phải lập báo cáo chất lượng công trình và đơn vị giám sát thi công phải lập báo cáo công tác giám sát thi công trước khi chủ đầu tư nghiệm thu công trình theo quy định.

- Nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu:

+ Chậm nhất 02 ngày trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu lập cam kết huy động, bố trí đầy đủ nhân sự, máy móc thiết bị thi công công trình theo đúng quy định của Hợp đồng và phù hợp với các nội dung trong hồ sơ dự thầu trình Chủ đầu tư. Chỉ huy trưởng, giám sát B phải có mặt tại công trình, có trách nhiệm tổ chức quản lý công việc, thực hiện điều hành hoạt động thi công trên công trình để bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình theo hợp đồng.

+ Nhà thầu thi công phải huy động, bố trí đầy đủ nhân lực, máy móc thiết bị thi công đưa vào công trường theo đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các nội dung hồ sơ dự thầu. Các thiết bị thi công đưa vào công trường phải có thông số kỹ thuật, công suất theo đúng quy định đã cam kết và phải có giấy kiểm định an toàn còn hiệu lực. Đơn vị giám sát thi công có trách nhiệm kiểm tra các nội dung này ngoài công trường, lập thành biên bản, báo cáo đơn vị quản lý dự án để theo dõi, quản lý. Trường hợp kiểm tra phát hiện năng lực thực tế của nhà thầu không đáp ứng, phải có văn bản báo cáo ngay cho đơn vị Quản lý dự án và chủ đầu tư xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- Công tác giám sát và nghiệm thu công trình:

+ Đơn vị thi công thực hiện công tác nghiệm thu nội bộ, phối hợp với Tư vấn giám sát nghiệm thu công tác chuyển bước thi công và thực hiện nhật ký công trình theo Nghị định 175/2024/NĐ-CP, ngày 30/12/2024 và các Văn bản liên quan, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ, Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính, Quyết định số 143/QĐ-HĐTV ngày 26/11/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Quyết định số 123/QĐ-HĐTV ngày 01/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Quyết định số 76/QĐ-HĐTV ngày 17/6/2024 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

	<p>+ Đơn vị giám sát thi công và giám sát của Chủ đầu tư sẽ phối hợp chụp ảnh, quay phim truyền dữ liệu công tác giám sát về Chủ đầu tư để kiểm tra, Đơn vị QLDA lưu hồ sơ các công đoạn chủ yếu trong thi công bao gồm các công trình ngầm, nổi cấp, lắp trụ, đổ bê tông..... Đối với các hạng mục công việc bị che khuất, đơn vị giám sát thi công phải chụp ảnh đầy đủ khi nghiệm thu theo quy định của Tập đoàn và Tổng công ty. Ảnh chụp phải thể hiện được không gian, thời gian, địa điểm và các thông số nghiệm thu của đối tượng cần nghiệm thu. Chủ đầu tư sẽ không thanh quyết toán các công trình nếu không có hình ảnh giám sát.</p>
<p>D. Quản lý chi phí</p>	
<p>E-ĐKC 40</p>	<p>Loại hợp đồng: Đơn giá cố định</p>
<p>E-ĐKC 41.1</p>	<p>Giá hợp đồng: Cố định. Đã bao gồm thuế GTGT</p>
<p>E-ĐKC 42.1</p>	<p>- Tạm ứng: Tạm ứng 1 lần, tạm ứng % giá trị hợp đồng (trước thuế). + 10% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng. + 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.</p> <p>- Thời gian tạm ứng cho Nhà thầu trong vòng 20 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau: Chứng từ tạm ứng (bản gốc). Đề nghị tạm ứng do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký. Chứng thư bảo lãnh có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng.</p> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>- Hoàn trả tạm ứng: Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định như sau:</p>

	<p style="text-align: center;">% giá trị khối lượng thanh toán đợt so với giá trị hợp đồng</p> $A = \frac{\quad}{80\%} \times 100\%$ <p>Trong đó, A : Là tỷ lệ giảm trừ từng đợt (%). Giá trị thu hồi tạm ứng được làm tròn đến hàng triệu đồng (dưới 5 làm tròn xuống, từ 5 trở lên làm tròn lên).</p> <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 15 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 07 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 15 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>- Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
E-ĐKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản. 2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ quyết toán gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Hóa đơn giá trị gia tăng; + Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán;

	<p>+ Hồ sơ hoàn công phần khối lượng thanh toán.</p> <p>3. Phương thức thanh toán: Thanh toán chia làm tối đa 5 đợt (không kể đợt thanh toán tạm ứng), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đợt thanh toán: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi Nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng (trong đó: Giá trị tiền tạm ứng hợp đồng sẽ được thu hồi theo tỷ lệ giải trừ từng đợt). Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng. Các đợt thanh toán khối lượng thi công đạt tối thiểu đợt 1 là 30%, đợt 2 là 50%, đợt 3 là 70%, đợt 4 là 85% giá trị hợp đồng. - Lần cuối: Tổng nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Bên A thanh toán cho bên B 90% giá trị quyết toán công trình sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả vật tư thiết bị thu hồi, hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...), thoả thuận theo hợp đồng (nếu có). Bên A giữ lại 5% giá trị chờ phê duyệt quyết toán (5% giá trị này sẽ được thanh toán sau khi chủ đầu tư phê duyệt quyết toán hoàn thành) và 5% giá trị bảo hành công trình. Trường hợp bên B cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình tương đương 5% giá trị quyết toán công trình thì bên A thanh toán cho bên B số tiền tương ứng này. Chứng thư bảo lãnh bảo hành được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam. - Mỗi đợt thanh toán Chủ đầu tư sẽ giữ lại khoản tiền là 5% giá trị của từng đợt và tiền thu hồi theo quy định của hợp đồng.
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: được phép áp dụng điều chỉnh thuế.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Mỗi đợt thanh toán Chủ đầu tư sẽ giữ lại khoản tiền là 5% giá trị của từng đợt và tiền thu hồi theo quy định của hợp đồng. Tại đợt thanh toán cuối, Nhà thầu phải nộp bảo lãnh bảo hành để được thanh toán toàn bộ 5% giá trị đã giữ lại.</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Áp dụng.</p>

E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>- Quy định chung trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Nhà thầu sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <p>(a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành dự án (công trình):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chậm trễ hoàn thành dự án (công trình) 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (tính theo tiến độ thi công). + Chậm hoàn thành dự án (công trình) 10 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (tính theo tiến độ thi công); <p>(b) Phạt chất lượng thi công dự án (công trình) không đúng thỏa thuận trong hợp đồng: Mức phạt là 2% giá trị hợp đồng bị vi phạm và Nhà thầu phải khắc phục đáp ứng chất lượng dự án (công trình).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu không phù hợp với quy định của hợp đồng như đã cam kết. + Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho dự án (công trình) không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong E-HSMT, E-HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận. + Thi công dự án (công trình) không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, hoặc gây sự cố lưới điện,...., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng. + Tự ý thi công công trình không đúng theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt. + Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ dự án (công trình). <p>(c) Thời gian nộp hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán (bảng kê khối lượng hoàn thành, tài liệu hướng dẫn vận hành, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, bản vẽ hoàn công....). Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành dự án (công trình). Nhà thầu thực hiện chậm trễ, Chủ đầu tư có quyền xem xét phạt hợp đồng như phạt chậm tiến độ thi công, cứ 01 ngày nhà thầu chậm trễ chậm nộp hồ sơ, phạt 0,01% giá trị hợp đồng của từng dự án (công trình).</p> <p>(d) Mức phạt hợp đồng tổng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng</p>

	<p>bị vi phạm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện Hợp đồng thì bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng. - Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của Nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng tương tự khi tổ chức đấu thầu các gói thầu xây lắp thuộc EVN SPC [ghi nội dung phạt, mức phạt và tổng giá trị phạt tối đa phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng].
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng theo quy định hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán (bảng kê khối lượng hoàn thành, tài liệu hướng dẫn vận hành, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, bản vẽ hoàn công...). Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành dự án (công trình). Nhà thầu thực hiện chậm trễ, Chủ đầu tư có quyền xem xét phạt hợp đồng như phạt chậm tiến độ thi công.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 05% giá trị hợp đồng (2.000.000.000)